Đề lý thuyết 6:

1. **Mỗi tổ máy của Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 1 được phân làm mấy nhánh? 0.2đ**
2. Chỉ có 1 nhánh.
3. **Có hai nhanh A, B.**
4. Có 3 nhánh A, B, C.
5. Có 4 nhánh A, B,C, D.
6. **Hệ thống lọc bụi của Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 1 gồm bao nhiêu trường và tương ứng là bao nhiêu phễu tro:0.2đ**
7. 4 trường và 40 phễu tro.
8. 5 trường và 56 phễu tro.
9. 4 trường và 56 phễu tro.
10. **5 trường và 40 phễu tro.**
11. **Các cực phóng và cực lắng đặt cách nhau và ………… với nhau theo chiều đi của khói thải. Cực phóng nối với ………, cực lắng nối với………..0.2đ**
12. Vuông góc - cực âm - cực dương.
13. Vuông góc - cực dương - cực âm.
14. **Song song - cực âm - cực dương.**
15. Song song - cực dương - cực âm.
16. **Mỗi tổ máy của Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 1 gồm bao nhiêu máy biến áp trường (chọn câu trả lời đúng nhất):0.2đ**
17. 16 máy biến áp.
18. 20 máy biến áp.
19. **16 máy biến áp thường và 4 máy biến áp cao tần.**
20. 20 máy biến áp thường và 4 máy biến áp cao tần.
21. **Lưu lượng khói lớn nhất đi vào hệ thống lọc bụi tĩnh điện theo thiết kế là bao nhiêu?0.2đ**
22. **Theo thiết kế: 3176882 m3/h.**
23. Theo thiết kế: 3567882 m3/h.
24. Theo thiết kế: 4076828 m3/h.
25. Theo thiết kế: 5067828 m3/h.
26. **Kiểu máy biến áp của trường số 1 là: 0.2đ**
27. **GGYAj-1,4A/72kV.**
28. GGYAj-1,8A/72kV.
29. GGAj-1,8A/72kV.
30. GGAj-1,4A/72kV.
31. **Kiểu máy biến áp của trường số 2,3,4 là: 0.2đ**
32. GGYAj-1,4A/72kV.
33. GGYAj-1,8A/72kV.
34. **GGAj-1,8A/72kV.**
35. GGAj-1,4A/72kV.
36. **Kiểu máy biến áp của trường số 5 là:0.2đ**
37. GGYAj-1,4A/72kV.
38. GGYAj-1,8A/72kV.
39. GGAj-1,8A/72kV.
40. **GGAj-1,4A/72kV.**
41. **Hiệu suất thu bụi của các trường lọc bụi 1, 2, 3, 4, 5 trong quá trình vận hành bình thường lần lượt là (tấn/ giờ):0.2đ**
42. 90,1 \_7,2\_1,8 \_0,5 \_ 0,15.
43. 10,11\_81,88 \_6,8 \_1,72 \_ 0,43.
44. **90,97\_ 7,56\_1,91\_0,48\_0,12.**
45. 89,5 \_ 6,9\_ 2,1 \_ 0,6\_0,12.
46. **Hiệu suất thu bụi của các trường lọc bụi 1, 2, 3, 4, 5 khi trường 1 bị sự cố lần lượt là (tấn/ giờ):0.2đ**
47. 90,1 \_7,2\_1,8 \_0,5 \_ 0,15.
48. **10,11\_81,88 \_6,8 \_1,72 \_ 0,43.**
49. 90,97\_ 7,56\_1,91\_0,48\_0,12.
50. 89,5 \_ 6,9\_ 2,1 \_ 0,6\_0,12.
51. **Trong quá trình vận hành máy biến áp trường ta thay đổi giá trị “current limit” trên màn hình DCS tức là thay đổi % giá trị:0.2đ**
52. Điện áp ngõ vào.
53. Dòng điện ngõ vào.
54. Điện áp ngõ ra.
55. **Dòng điện ngõ ra.**
56. **Máy biến áp trường số 1 có tần số cộng hưởng bao nhiêu:0.2đ**
57. 20 Hz.
58. 50 Hz.
59. **>= 20 kHz.**
60. >= 50 kHz.
61. **Khi lò ngừng, sau khi ngừng quạt gió chính và quạt khói thì thời gian tối thiểu là bao lâu có thể ngừng hệ thống búa rung:0.2đ**
62. Ngừng ngay sau khi ngừng quạt gió chính và quạt khói.
63. 30 phút sau khi quạt gió chính và quạt khói ngừng.
64. **2h-3h.**
65. Không thể ngừng, cho vận hành liên tục.
66. **Trước khi đưa máy biến áp trường vào vận hành thì dao tiếp địa phải chuyển về vị trí:0.2đ**
67. Ground.
68. **Field.**
69. Chọn “ground” hoặc “field”.
70. Không cần phải chọn.
71. **Nhiệt độ dầu máy biến áp trường 2, 3, 4, 5 tăng đến giá trị nào sẽ Trip máy biến áp trường:0.2đ**
72. 650C.
73. 700C.
74. **750C.**
75. 800C.
76. **Lượng tro bay sinh ra với loại than trong thiết kế là than Vietnam trong một tổ máy với công suất 622,5 MW là:0.2đ**
77. **92,24 tấn/ giờ.**
78. 116,68 tấn/ giờ.
79. 184,47 tấn/ giờ.
80. 233,36 tấn/ giờ.
81. **Áp suất khí nén vận chuyển tro bay là bao nhiêu thì hệ thống vận chuyển tro bay mới chạy tự động được:0.2đ**
82. >350 kPa.
83. **>=400 kPa.**
84. >450 kPa.
85. >500 kPa.
86. **Điều kiện để ngừng 1 đường ống vận chuyển tro ở chế độ tự động là:0.2đ**
87. Áp suất khí vận chuyển tro <=155 kPa.
88. Thời gian vận chuyển phải >= 4 phút 7 giây.
89. Áp suất khí vận chuyển tro <=150 kPa và thời gian vận chuyển tro phải >=4phút 7 giây.
90. **Áp suất khí vận chuyển tro <=155 kPa và thời gian vận chuyển tro phải >=4phút 7 giây.**
91. **Giá trị áp suất cài đặt khi suất hiện cảnh báo tắc tro “Pipe plug” trên 1 đường ống vận chuyển tro là bao nhiêu:0.2đ**
92. **380 kPa.**
93. 350 kPa.
94. 280 kPa.
95. 220 kPa.
96. **Trong một đường ống vận chuyển tro đang vận hành ở chế độ tự động thì 1 lần có thể vận chuyển được bao nhiêu “unit”:0.2đ**
97. **1.**
98. 2.
99. 3.
100. Tất cả các “unit” trong một đường ống.
101. **Tốc độ của động cơ quạt khói là bao nhiêu vòng/ phút:0.2đ**
102. 630.
103. 635.
104. 740.
105. **745.**
106. **Giá trị nhiệt độ cài đặt của ổ đở động cơ quạt khói (đầu dẫn động và không dẫn động) và ổ đỡ của quạt là bao nhiêu thì cho phép khởi động quạt khói:0.2đ**
107. **650C.**
108. 700C.
109. 750C.
110. 800C.
111. **Nhiệm vụ của hệ thống lọc bụi tĩnh điện là? 0.2đ**
112. Tách và thu hồi tro bay trong sản phẩm cháy (khói) để bảo vệ môi trường.
113. Chống mài mòn cánh của quạt khói.
114. Hạn chế tro bụi ảnh hưởng đến sự vận hành của hệ thống khử lưu huỳnh.
115. **Tất cả điều đúng.**
116. **Lọc bụi tĩnh điện là thiết bị làm sạch tro bụi trong khói theo nguyên lý:0.2đ**
117. Cảm ứng điện từ.
118. **Phóng điện trong điện môi.**
119. a, b điều đúng.
120. a, b sai.
121. **Việc tách tro bụi lơ lửng từ dòng khói bởi bộ lọc bụi tĩnh điện chủ yếu gồm các quá trình vật lý sau:0.2đ**
122. Ion hóa không khí, tích điện cho hạt tro bụi lơ lửng.
123. Sự di chuyển của tro bụi tích điện đến các điện cực trái dấu.
124. **Ion hóa không khí, tích điện cho hạt tro bụi lơ lửng, sự di chuyển của tro bụi tích điện đến các điện cực trái dấu, lắng tro bụi bám ở các điện cực.**
125. Tất cả ý trên sai.
126. **Trong khi chuẩn bị giao nhận ca mà có sự cố hỏa hoạn thì người nhận ca phải:0.2đ**
127. Nhanh chóng rút ra khỏi vị trí sản xuất để người trực ca đương nhiệm xử lý xong mới vào nhận ca.
128. Nhanh chóng cắt cầu dao điện các thiết bị điện và hổ trợ chữa cháy.
129. Trông coi và thao tác thiết bị để người trực ca đương nhiệm chữa cháy. Đảm bảo thiết bị vận hành bình thường.
130. **Sau khi trực ca cũ đã cắt điện các thiết bị thì người đến nhận ca cùng tham gia chữa cháy theo đúng quy trình PCCC đã ban hành và tuyệt đối không tự ý thực hiện bất kỳ thao tác nào khi chưa có sự đồng ý của nhân viên đang trực.**
131. **Theo quy trình giao nhận ca, người nhận ca phải có mặt tại vị trí sản xuất khi nào?0.2đ**
132. Trước 20 phút để tìm hiểu tình hình, sơ đồ và chế độ làm việc của thiết bị (Phương thức vận hành, trình trạng làm việc…) thuộc phạm vi mình quản lý.
133. **Trước 30 phút để tìm hiểu tình hình, sơ đồ và chế độ làm việc của thiết bị (Phương thức vận hành, trình trạng làm việc…) thuộc phạm vi mình quản lý.**
134. Trước 10 phút để tìm hiểu tình hình, sơ đồ và chế độ làm việc của thiết bị (Phương thức vận hành, trình trạng làm việc …) thuộc phạm vi mình quản lý.
135. Có mặt tại vị trí sản xuất ngay lúc giao ca.
136. **Thủ tục giao nhận ca như thế nào là đúng?0.2đ**
137. **Người đến nhận ca ký tên vào sổ nhật ký vận hành sau đó đưa cho người trực ca trước ký vào.**
138. Người trực ca trước ký tên vào sổ nhật ký vận hành sau đó đưa cho người đến nhận ca ký vào.
139. Người đến nhận ca và người trực ca trước ai ký tên vào sổ nhật ký vận hành cũng được.
140. Người trực ca trước ký tên sẵn vào sổ nhật ký vận hành. Sau khi kiểm tra tình hình vận hành của thiết bị nếu thấy ổn định thì người đến nhận ca ký vào.
141. **Khi xảy ra mất mát tài sản hoặc những đe dọa sự cố trong lúc giao nhận ca mà không phát hiện dẫn đến sự phá hoại chế độ làm việc bình thường của thiết bị thì ai sẽ chịu trách nhiệm?0.2đ**
142. Người đến nhận ca.
143. Người trực ca đương nhiệm.
144. Cả người trực ca đương nhiệm và người đến nhận ca.
145. **Nếu người đến nhận ca đã ký tên nhận ca vào sổ nhật ký vận hành thì người đến nhận ca chịu trách nhiệm. Nếu người đến nhận ca chưa ký tên nhận ca vào sổ nhật ký vận hành thì người trực ca đương nhiệm chịu trách nhiệm.**
146. **Nếu hết giờ trực ca mà vẫn chưa có người nhận ca thì trực ca đương nhiệm phải làm gì?0.2đ**
147. Rời khỏi vị trí vận hành vì đã hết giờ trực ca.
148. Báo trưởng kíp đồng thời rời khỏi vị trí vận hành.
149. Vẫn tiếp tục trực ca thêm 30 phút, sau đó rời khỏi vị trí vận hành đồng thời báo cáo trưởng kíp.
150. **Báo cáo trưởng kíp đồng thời phải tiếp tục trực ca đến khi nào có nhân viên mới đến nhận ca.**
151. **Về hành chính, vận hành viên ESP chịu sự quản lý của ai?0.2đ**
152. Lò trưởng, trưởng kíp.
153. Trưởng ca.
154. **Quản đốc, phó quản đốc phân xưởng.**
155. Giám đốc.
156. **Trong lúc trực ca, vận hành viên ESP chịu sự quản lý và điều hành trực tiếp của ai?0.2đ**
157. **Lò trưởng, trưởng kíp.**
158. Trưởng ca.
159. Quản đốc, phó quản đốc phân xưởng.
160. Cả a, b, c đều đúng.
161. **Vận hành viên ESP thông qua ai để giải quyết mọi vấn đề liên quan đến vận hành?0.2đ**
162. **Lò trưởng, trưởng kíp.**
163. Trưởng ca.
164. Quản đốc, phó quản đốc phân xưởng.
165. Cả a, b, c đều đúng.
166. **Trong ca nếu có người đến liên hệ công tác, tham quan thì:0.2đ**
167. Phải có thái độ niềm nở, thân thiện.
168. Phải có ý kiến của lãnh đạo cấp trên mới được vào khu vực vận hành.
169. Phải có thái độ niềm nở, thân thiện. Hướng dẫn cho phép vào khu vực vận hành một cách an toàn.
170. **Cả a và b.**
171. **Yêu cầu chung đối với vận hành viên ESP là gì?0.2đ**
172. Có sức khỏe tốt, có trình độ kỹ thuật phù hợp.
173. Được đào tạo cơ bản để đáp ứng yêu cầu chuyên môn.
174. Phải qua sát hạch kiểm tra độc lập chức danh do công ty tổ chức.
175. **Cả a, b và c.**
176. **Vận hành viên ESP phải ghi chép và bảo quản các loại sổ sách nào sau đây? 0.2đ**
177. Nhật ký vận hành ESP, sổ phân công nhiệm vụ, vị trí các chức danh trong kíp.
178. Sổ ghi chép tình trạng thiết bị trong ca.
179. Sổ theo dõi các thông số: quạt, điện cực, bộ gõ rung, mức tro bụi trong các phễu, khí nén… và thiết bị phòng chống cháy nổ theo quy định.
180. **Cả a, b và c.**
181. **Những trường hợp nào vận hành viên ESP phải lập tức báo cáo trưởng ca, trưởng kíp, lò trưởng để cùng có biện pháp xử lý sự cố duy trì sản xuất?0.2đ**
182. Khi phát hiện sự cố, hỏng hóc thiết bị nghiêm trọng.
183. Khi gặp những khó khăn không đảm bảo sản xuất.
184. Khi có nhân viên quy phạm quy trình.
185. **Cả a, b và c.**
186. **Khi nào thì vận hành viên ESP phải thông kê sổ sách dụng cụ tại cương vị của mình?0.2đ**
187. Ca sáng, ngày thứ 6.
188. **Ca chiều, ngày thứ 6.**
189. Ca sáng, ngày chủ nhật.
190. Ca chiều, ngày chủ nhật.
191. **Khi nhận lệnh cấp trên, nếu thấy lệnh đó có nguy cơ đe dọa đến an toàn tính mạng con người và thiết bị thì:0.2đ**
192. Thực hiện nghiêm túc và phải cẩn thận.
193. Không thực hiện vì không an toàn.
194. **Có quyền không thực hiện, đồng thời giải thích rõ cho người ra lệnh lý do, sau đó báo cáo lên trên một cấp và phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về hành động của mình.**
195. Không thực hiện và phải báo cáo lên cấp trên.
196. **Khi có người lạ mặt vào khu vực mình quản lý thì:0.2đ**
197. **Có quyền yêu cầu họ ra khỏi nơi thuộc phạm vi mình quản lý.**
198. Báo cáo trưởng kíp để xin ý kiến giải quyết.
199. Báo bảo vệ công ty xử lý.
200. Cả B và C.
201. **Trong điều kiện bình thường, nếu con người tiếp xúc trực tiếp với điện áp xoay chiều từ bao nhiêu V trở lên là nguy hiểm đến tính mạng:0.2đ**
202. **42 V.**
203. 50 V.
204. 220 V.
205. 380V.
206. **Phòng cháy và chữa cháy là trách nhiệm của:0.2đ**
207. Lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp.
208. Các cơ quan có yêu cầu nghiêm ngặt ở PCCC.
209. Công an chữa cháy tại các địa phương.
210. **Mỗi cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trên lãnh thổ CHXHCN Việt Nam.**
211. **Biện pháp cơ bản trong công tác chữa cháy:0.2đ**
212. Huy động nhanh nhất các lực lượng, phương tiện để dập tắt ngay đám cháy.
213. Tập trung cứu người, cứu tài sản và chống cháy lan.
214. Thống nhất chỉ huy, điều hành trong chữa cháy.
215. **Cả 03 câu a, b, c.**
216. **Hành vi nào sau đây bị nghiêm cấm:0.2đ**
217. Báo cháy giả.
218. Lợi dụng hoạt động phòng cháy và chữa cháy để xâm hại đến tính mạng, sức khỏe con người, xâm hại tài sản Nhà nước, cơ quan, tổ chức và cá nhân.
219. Tự ý thay đổi, di chuyển phương tiện, thiết bị phòng cháy và chữa cháy, biển báo, biển chỉ dẫn và lối thoát nạn.
220. **Cả 03 câu trên.**
221. **Công dụng bình CO2:0.2đ**
222. **Chữa cháy các đám cháy nhỏ, môi trường tương đối kín gió và các đám cháy do điện. Sau khi dập tắt đám cháy không để lại dấu vết, không làm hư hỏng, ảnh hưởng đến chất cháy.**
223. Chữa cháy các đám cháy nhỏ, trong môi trường gió mạnh và các đám cháy do nhiệt.
224. Chữa cháy trong một số trường hợp đám cháy kim loại hay một số chất cháy trong quá trình cháy xảy ra không cần oxy.
225. Dùng để chữa các dám cháy rắn và lỏng như: xăng, dầu, khí cháy, gỗ, cao su, giấy.
226. **Nguyên tắc thoát nạn trong đám cháy:0.2đ**
227. Cúi thấp người di chuyển vì khói luôn bay lên cao.
228. Di chuyển nằm dưới sàn khi lượng khói tập trung nhiều.
229. Men theo bờ tường để tìm lối ra khi khói dày đặc không xác định phương hướng.
230. **Cả a, b và c.**
231. **Để phòng ngừa sự cố môi trường, Điều 86 Chương IX Luật Bảo vệ môi trường số 52/2005/QH11 ngày 29/11/2005 có quy định một số biện pháp phòng ngừa, đó là những biện pháp nào?0.2đ**
232. Lập kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường, lắp đặt, trang bị các thiết bị, dụng cụ, phương tiện ứng phó sự cố môi trường.
233. Đào tạo, huấn luyện, xây dựng lực lượng tại chỗ ứng phó sự cố môi trường, tuân thủ quy định về an toàn lao động, thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên.
234. Có trách nhiệm thực hiện hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền thực hiện kịp thời biện pháp để loại trừ nguyên nhân gây ra sự cố khi phát hiện có dấu hiệu sự cố môi trường.
235. **Tất cả câu trên đều đúng.**
236. **Khi dán nhãn chất thải nguy hại, các thông tin cần có là gi?0.2đ**
237. Dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6707-2009 về “Chất thải nguy hại - Dấu hiệu cảnh báo”, mô tả về các nguy cơ do chất thải có thể gây ra.
238. Tên CTNH, mã CTNH theo Danh mục CTNH, tên và địa chỉ của chủ vận chuyển chất thải, mô tả về các nguy cơ do chất thải có thể gây ra, dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6707-2009 về “Chất thải nguy hại - Dấu hiệu cảnh báo”, ngày bắt đầu được đóng gói, bảo quản.
239. Tên CTNH, mã CTNH theo Danh mục CTNH, tên và địa chỉ của chủ nguồn thải, ngày bắt đầu được đóng gói, bảo quản.
240. **Câu a và c đúng.**
241. **Câu nào là ĐÚNG khi nói về nguyên tắc bảo vệ môi trường quy định trong Điều 4 Chương I Luật Bảo vệ môi trường số 52/2005/QH11 ngày 29/11/2005?0.2đ**
242. Bảo vệ môi trường là quyền và trách nhiệm của cơ quan nhà nước.
243. **Bảo vệ môi trường phải gắn kết hài hòa với phát triển kinh tế và bảo đảm tiến bộ xã hội để phát triển bền vững đất nước. (Điều 4)**
244. Hoạt động bảo vệ môi trường phải thường xuyên, lấy khắc phục ô nhiễm, suy thoái và cải thiện chất lượng môi trường là chính.
245. Bảo vệ môi trường có thể không cần phù hợp với quy luật, đặc điểm tự nhiên, văn hóa, lịch sử, trình độ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong từng giai đoạn.
246. **Anh Chị hãy cho biết trong những cách phân loại chất thải nguy hại sau, cách nào SAI?0.2đ**
247. Không để lẫn CTNH với chất thải khác.
248. Bố trí nơi lưu giữ tạm thời CTNH an toàn.
249. **Có thể chứa các loại CTNH cùng thể (rắn/ lỏng/ bùn) với nhau trong dụng cụ chứa.**
250. Đóng gói, bảo quản tất cả các CTNH trong các bồn, thùng chứa, bao bì chuyên dụng và dán nhãn chất thải nguy hại.